

Bản án số: 48/2022/HS-ST

Ngày: 28 - 9 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Hải

Bà Nguyễn Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại hội trường Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn B**, tên gọi khác: Không; Sinh ngày 19/5/1991 tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Không Con ông: Nguyễn Văn C (đã chết), con bà: Hoàng Thị N sinh năm 1969; Vợ, con chưa có; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Tiền sự: Không.

Tiền án: Tại bản án số 41/2022/HS-ST ngày 23/3/2022 bị Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội xử phạt 17 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 34 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/6/2022 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Mông Thị B1, sinh năm 1976/ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trú tại: Xóm B, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Mông Văn T, sinh năm 1992/ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trú tại; Xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Chị Lăng Thu T1, sinh năm 1995/ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trú tại: Xóm G, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Ông Vũ Thái L, sinh năm 1964/ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trú tại: Xóm Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

4. Chị Mông Thị L1, sinh năm 1992/ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Trú tại: Xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 08/6/2022, Nguyễn Văn B gọi điện thoại cho Mông Văn T (tên gọi khác Mông Văn T3), sinh năm 1992, trú tại xóm Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên và rủ đi xin việc làm. T đồng ý rồi điều khiển xe mô tô BKS 20B2 – 223.39 đến nhà B cùng nhau đi xuống khu vực cầu L thuộc xã H, huyện Đ để xin việc làm nhưng không được. Do không có tiền tiêu xài nên cả hai cùng nảy sinh ý định trên đường về xem ai có sơ hở tài sản thì trộm cắp. T điều khiển xe chở B đi hướng xã T khi đến nhà chị Mông Thị B1, sinh năm 1976, trú tại xóm B, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, cả hai quan sát thấy không có ai ở nhà. T dừng xe lại ở gần bụi tre phía sau nhà chị B1 cảnh giới, còn B đi vào nhà chị B1 trộm cắp tài sản. Khi B đi vào trong sân nhà thấy cửa chính nhà chị B1 đang mở, B vào trong nhà thấy tại phòng ngủ nhà chị B1 có 01 (một) chiếc mô tô điện để ở trong góc nhà, B ôm chiếc mô tô đi ra ngoài và tiếp tục lấy 02 (hai) con dao dựng ở lối ra vào phòng khách và phòng ngủ. Tiếp đó B đi ra phòng khách lấy 01 (một) chiếc điện thoại di động màu xám đen nhãn hiệu Vsmart LIVE4 bị vỡ màn hình để trên nóc tủ lạnh, cho vào túi quần phía trước bên phải B đang mặc rồi đi ra ngoài đường bê tông chỗ T đang đứng chờ, T để chiếc mô tô và một con dao dạng dao tông ở giá để hàng giữa xe mô tô còn con dao dạng dao quắm T để vào trong cốp xe mô tô BKS 20B2-223.39. Sau đó B quay lại nhà chị B1, B đi đến chuồng gà được quây bằng lưới vải rồi chui vào trong chuồng bắt được 03 (ba) con gà mái cho vào bao tải dứa nhặt ở sân nhà chị B1, B cầm ra cùng T chở đi bán. T điều khiển xe mô tô chở B đến cửa hàng thu mua sắt vụn Q tại xóm G, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên bán chiếc mô tô cho Lăng Thị Thu T1, sinh năm 1995 là chủ cửa hàng với giá 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) sau đó đến nhà ông Vũ Thái L, sinh năm 1964, trú tại xóm Đ, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên bán 03 (ba) con gà mái có tổng trọng lượng là 4,7kg được với giá 420.000 đồng (Bốn trăm hai mươi nghìn đồng). Số tiền bán mô tô và gà được 720.000 đồng (Bảy trăm hai mươi nghìn đồng) T cầm rồi đổ xăng hết số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) và cùng B đi vào chợ C, TP T, tỉnh Thái Nguyên mua đồ ăn hết 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng), còn lại 400.000 đồng T giữ lại 200.000, chia cho B 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Sau khi mua đồ ăn xong T và B đi về nhà,

B cầm con dao (dạng dao tông) còn T cầm con dao (dạng dao quắm) mang về nhà để. Đối với chiếc điện thoại di động màu xám đen nhãn hiệu Vsmart LIVE4 sau khi lấy được B cất vào túi quần, khi gặp T, B không nói cho T biết với mục đích mang về để sử dụng.

Sau khi mua chiếc mô tơ của B và T chị Trang đã bán lại cho một người không quen biết và ông L sau khi mua 03 con gà của B và T cũng đã thịt và bán lại cho những người không quen biết.

Ngày 08/6/2022, Nguyễn Văn B giao nộp 96.000 đồng và Nguyễn Văn T giao nộp 60.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ.

Tại kết luận định giá tài sản số 19/KL – HĐĐGTS ngày 09/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Đ kết luận:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Live 4 màu xám đen đã bị vỡ màn hình, đã qua sử dụng có trị giá 800.000 đồng.
- 02 con dao có trị giá 60.000 đồng.
- 01 mô tơ không rõ nhãn hiệu, nặng 15 kg đã qua sử dụng trị giá: 400.000 đồng
- 03 con gà mái có tổng trọng lượng 4,7 kg có trị giá 470.000 đồng.

Tổng số tài sản B và T đã chiếm đoạt có trị giá là 1.730.000 đồng.

Vật chứng của vụ án: 01 chiếc xe mô tô BKS 20B2- 223.39. Quá trình điều tra xác định chiếc xe là của chị Mông Thị L1, cơ quan CSĐT Công an huyện Đ giao cho chị L1 là chủ sở hữu quản lý sử dụng. 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart Live 4 màu xám đen đã bị vỡ màn hình (Đã thu hồi được trả lại cho chị B1); 02 con dao. Trong đó 01 con dao loại quắm, 01 con dao loại dao tông (Đã thu hồi được trả lại cho chị B1). 03 con gà mái có tổng trọng lượng 4,7 kg (không thu hồi được); 01 mô tơ điện quay nặng 15 kg, không rõ nhãn hiệu, thông số kỹ thuật (không thu hồi được). Số tiền 156.000 đồng do B và T giao nộp (Đây là số tiền bán tài sản trộm cắp được mà có chưa tiêu hết.

Phần dân sự: Chị Mông Thị B1 đã nhận lại tài sản là 02 con dao và 01 chiếc điện thoại và yêu cầu B và T phải bồi thường 01 mô tơ điện và 03 con gà theo kết quả định giá tài sản là 870.000 đồng, B và T chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKSĐH, ngày 25/8/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như nhân T và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 38 BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2022; áp dụng Điều 56, khoản 5 Điều 65 BLHS tổng hợp hình phạt với bản án số 41/2022/HS-ST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân

huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt 17 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 34 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn B và người có nghĩa vụ liên quan là Mông Văn T phải bồi thường cho bị hại số tiền 714.000 đồng.

Về vật chứng, áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giữ số tiền 156.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn B và người có nghĩa vụ liên quan là Mông Văn T để đảm bảo thi hành án.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố. Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, trong lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Khoảng 13 giờ ngày 08/6/2022, tại xóm B, xã T, huyện Đ, Nguyễn Văn B và Mông Văn T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart LIVE4, màu xám đen bị vỡ màn hình; 02 con dao; 03 con gà mái có tổng trọng lượng 4,7 kg; 01 mô tơ điện quay nặng 15 kg có tổng trị giá 1.730.000 đồng của chị Mông Thị B1.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với B1 bản sự việc, đơn trình báo, đặc điểm loại tài sản chiếm đoạt, B1 bản định giá tài sản và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng đã thu được và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Tuy giá trị tài sản bị cáo trộm cắp dưới 2.000.000 đồng nhưng bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trong khi chưa được xóa án tích về tội “Trộm cắp tài sản” và đang trong thời gian thử thách. Do đó Hội đồng xét xử thấy việc truy tố để xét xử đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá... dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)...

b) Đã bị kết án về tội này...chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”.

[2]. Về hình phạt, nhân T và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo Nguyễn Văn B đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản T trở thành người lương thiện mà tiếp tục phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo coi thường pháp luật, do đó khi lượng hình cần có một mức án nghiêm khắc, buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người lương thiện và đề răn đe, phòng ngừa chung.

Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Vì vậy trong lượng hình, Hội đồng xét xử cũng đã xem xét giảm một phần hình phạt đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, tuy nhiên cũng cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 thì bị cáo có thể bị phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn B và người có nghĩa vụ liên quan là anh Mông Văn T phải bồi thường cho người bị hại là chị Mông Thị B1 số tiền 714.000 đồng.

[4]. Về vật chứng: Tiếp tục tạm giữ số tiền **156.000 đồng** thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn B và người có nghĩa vụ liên quan là anh Mông Văn T để đảm bảo thi hành án.

[5]. Án phí: Bị cáo và người có nghĩa vụ liên quan là anh Mông Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự nộp ngân sách Nhà nước, theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi,

quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Đối với hành vi của Mông Văn T cùng B trộm cắp ngày 08/6/2022 do tài sản trị giá dưới 2.000.000 đồng nhưng qua xác minh T không có tiền án, tiền sự nên Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với T theo thẩm quyền.

Đối với chị Mông Thị L1 là chủ chiếc xe mô tô BKS 20B2 – 223.39. Ngày 08/6/2022 T sử dụng chiếc xe để đi trộm cắp nhưng chị L1 không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không thu giữ xe và không xử lý là có căn cứ.

Trong vụ án này còn có chị Lăng Thị Thu T1 và ông Vũ Thái L là người mua tài sản của B và T nhưng chị T1 và ông L không biết đó là tài sản do B, T trộm cắp được mà có nên hành vi của chị T1 và ông L không cấu thành tội phạm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2]. *Về Hình phạt*: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn B **13** (mười ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Do bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội mới trong thời gian thử thách, áp dụng Điều 56, khoản 5 Điều 65 BLHS tổng hợp hình phạt với bản án số 41/2022/HS-ST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện g, thành phố Hà Nội xử phạt 17 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 34 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **30** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **10/6/2022**, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ từ ngày 19/12/2021 đến ngày 28/12/2021 tại bản án số 41/2022/HS-ST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Văn B.

Áp dụng Điều 329 BLTTHS ra quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án.

[3]. Về trách nhiệm dân sự, căn cứ Điều 48-BLHS; Điều 584, 587, 589 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn B và người có nghĩa vụ liên quan là anh Mông Văn T phải bồi thường cho người bị hại là chị Mông Thị B1 số tiền 714.000 đồng. Cụ thể bị cáo Nguyễn Văn B phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Mông

Thị B1 số tiền **357.000 đồng**, anh Mông Văn T phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Mông Thị B1 số tiền **357.000 đồng**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị B1 có đơn yêu cầu thi hành, nếu bị cáo B và anh T không thi hành được khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[4]. *Về vật chứng*: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tiếp tục tạm giữ số tiền **156.000 đồng** thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn B và người có nghĩa vụ liên quan là anh Mông Văn T để đảm bảo thi hành án.

[5]. *Án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải nộp **200.000đ** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và **300.000đ** (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sung quỹ Nhà nước.

- Buộc người có nghĩa vụ liên quan là anh Mông Văn T phải nộp **300.000đ** (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sung quỹ Nhà nước.

[5]. *Quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên
- UBND xã T;
- Bị cáo, Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự .

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Như

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Hữu Nường

